

SỐ 1488

KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

*Hán dịch: Đời Bắc Lương Tam tạng pháp sư
Đàm Vô Sám, người Trung Ấn Độ.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: TẬP HỘI

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, đức Phật ở tại Tinh xá thuộc cây vườn rừng Kỳ-Đà-Cấp-Cô-Độc, nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-Kheo Tăng, năm trăm vị Tỳ-Kheo Ni, một ngàn Ưu-bà-tắc và năm trăm vị ăn xin.

Bấy giờ, trong hội chúng, có một người con của vị trưởng giả, tên là Thiện Sanh, cúi đầu bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Lục sư ngoại đạo thường dạy tín đồ: Nếu ai, một ngày hai buổi. Sáng chiều cung kính lễ lạy sáu phương, thì được giàu có và sống lâu. Vì họ cho: Phương Đông thuộc về lãnh thổ của vua Đế Thích, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được vua Đế Thích giúp đỡ; phương Nam thuộc về lãnh thổ của vua Diêm la, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được vua Diêm La giúp đỡ; phương Tây thuộc về lãnh thổ của Bà Lâu Na Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Bà Lâu Na Thiên giúp đỡ; phương Bắc thuộc về lãnh thổ Câu Tỳ La Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Câu Tỳ La Thiên giúp đỡ; phương Dưới thuộc lãnh thổ của Hoả Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Hoả Thiên giúp đỡ; phương Trên thuộc về lãnh thổ Phong Thiên, nếu ai phát tâm cúng dường, thì được Phong Thiên giúp đỡ. Bạch Đức Thế Tôn! Trong giáo pháp của Ngài có dạy tín đồ về sáu phương như vậy

không?

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Trong giáo pháp của Như Lai cũng có nói về sáu phương, đó là sáu Ba-la-mật. Phương Đông là Bố thí Ba-la-mật. Vì sao? Vì mới vừa xuất hiện, là nhân duyên phát sanh trí tuệ sáng suốt; phương Đông thuộc về tâm chúng sanh, nếu có chúng sanh nào cúng dường bằng Bố thí Ba-la-mật, thì được giàu có và sống lâu. Phương Nam là Trì Giới Ba-la-mật. Vì sao? Vì Trì Giới Ba-la-mật gọi là hơn hết, nếu có người nào cúng dường đều cũng được giàu có và sống lâu. Phương Tây là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì sao? Vì phương Tây là chỉ về mai sau, nghĩa là bỏ hết tất cả các pháp ác lại phía sau, nếu ai cúng dường cũng được giàu có và sống lâu. Phương Bắc là Tinh tấn Ba-la-mật. Vì sao? Vì phương Bắc có danh hiệu là thắng các pháp ác, nếu ai cúng dường thì được giàu có và sống lâu. Phương Dưới là Thiên định Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở phương dưới có thể quán sát rõ ba đường ác, nếu ai cúng dường thì được giàu có và sống lâu. Phương Trên là Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì phương Trên là cao quý, không sanh diệt, nếu ai cúng dường thì được giàu có và sống lâu. Nay thiện nam! Đó là sáu phương thuộc tâm chúng sanh, chẳng phải như lục sư Ngoại đạo đã nói. Như vậy, với sáu phương đó, ai có thể phát tâm cúng dường được? Chỉ có hàng Bồ-tát mới có thể cúng dường được.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Do nghĩa nào mà gọi là Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

- Chứng đắc Bồ-đề mới gọi là Bồ-tát, tánh Bồ-đề nên gọi là Bồ-tát.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu nói chứng đắc Bồ-đề rồi mới gọi là Bồ-tát, vậy lúc chưa cúng dường sáu phương sao có thể gọi là Bồ-tát? Nếu lấy tánh nên gọi là Bồ-tát, thì ai được tánh ấy? Người có tánh ấy mới có thể cúng dường sáu phương, nếu không có tánh ấy, thì không thể cúng dường sáu phương? Như vậy Như Lai không thể nói sáu phương là thuộc tâm chúng sanh.

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Không phải chứng đắc Bồ-đề, nên gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì chứng đắc Bồ-đề thì đã là Phật rồi. Chưa chứng đắc Bồ-đề, mới gọi là Bồ-tát. Cũng không phải tánh Bồ-đề, gọi là Bồ-tát.

Nay thiện nam! Tất cả chúng sanh không có tánh Bồ-đề, như các chúng sanh, không có tánh Trời, người, sư tử, cọp, sói. v.v... mà chỉ do

trong đời hiện tại, có nhiều nhân duyên nghiệp lành hòa hợp mà được làm thân Trời, người; hay do hoà hợp nhiều nhân duyên nghiệp ác, mà sanh làm thân sư tử, súc sanh. Bồ-tát cũng vậy, nhờ hội tụ được nhiều nhân duyên nghiệp lành và phát tâm Bồ-đề, nên được gọi là Bồ-tát. Nếu có thuyết nói: “ Tất cả chúng sanh có tánh Bồ-tát”, thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì nếu có tánh ấy, thì Bồ-tát không cần tu tập theo nhân duyên nghiệp lành, và cúng dường sáu phương.

Này thiện nam! Nếu có tánh ấy, tức không có người mới phát tâm và không có kẻ thối lui tâm, mà do vô lượng nhân duyên nghiệp lành và phát tâm Bồ-đề, mới gọi là tánh Bồ-tát.

Này thiện nam! Có các chúng sanh tu hành theo ngoại đạo, vì không thích nói về kinh sách điên đảo của họ, nên phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, ở nơi vắng lặng, và nhờ nhân duyên căn lành bên trong mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, quán sát những tội lỗi trong sanh tử, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, thấy ác, nghe ác mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh biết rõ thân mình tham lam, sân hận, ngu si, ganh ghét, bồng sển, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh thấy các vị Tiên đắc năm pháp thần thông của các ngoại đạo mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh muốn biết thế gian có giới hạn hay không có giới hạn, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh thấy nghe Đức Như Lai không thể nghĩ bàn, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, khởi tâm thương xót mọi loài, mà phát tâm Bồ-đề; hoặc có chúng sanh, yêu thích chúng sanh, mà phát tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Tâm Bồ-đề gồm có ba bậc. Đó là: Thượng, Trung, Hạ. Nếu nói chúng sanh, nhất định có tánh, thì tại sao lại nói có ba bậc khác nhau? Chúng sanh có tâm thấp kém, có thể khởi lên tâm trung bình; chúng sanh có tâm trung bình khởi lên tâm cao thượng, chúng sanh có tâm cao thượng lại trở nên tâm trung bình, chúng sanh có tâm trung bình trở nên thấp kém. Chúng sanh chuyên cần tu tập vô lượng pháp thiện, nên trở thành cao thượng, không chuyên cần tu tập, thì trở thành thấp kém. Nếu khéo tinh tấn tu hành thì gọi là không thối chuyển, ngược lại, không tinh tấn tu hành, gọi là thối chuyển. Trong mọi thời gian, tất cả chúng sanh tu tập pháp thiện, thì gọi là bất thối chuyển; nếu không được như vậy, gọi là thối chuyển. Như vậy, Bồ-tát tất có tâm thối chuyển và tâm sợ hãi. Nếu trong mọi thời gian, tất cả chúng sanh tu tập pháp thiện, chúng đắc bất thối chuyển, thì vị đó Như Lai đã thọ ký là Địa Đại-hỷ, chẳng bao lâu sẽ được đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam! Ba bậc Bồ-đề, không có tánh nhất định; nếu có tánh nhất định, thì người đã phát tâm Thanh-văn, Duyên-giác, không thể phát tâm Bồ-đề được.

Này thiện nam! Thí như chúng Tăng, không có tánh nhất định; tánh của ba bậc Bồ-đề cũng như vậy. Nếu nói Bồ-đề có tánh nhất định, đó gọi là ngoại đạo. Vì sao? Vì các ngoại đạo cho là không có nhân quả; như Tự Tại Thiên là không nhân không quả.

Này thiện nam! Hoặc có người nói tánh của Bồ-tát giống như trong đá nhất định có vàng, phải nhờ nhân duyên và các phương tiện thiện xảo, để lấy vàng ra. Tánh của Bồ-tát cũng như vậy. Đó là thuyết của ngoại đạo Phạm chí. Vì sao? Vì các ngoại đạo Phạm chí thường nói: Trong hạt Ni-câu-đà có cây Ni-câu-đà; trong mắt có lửa, có đá; nên Phạm chí nói không nhân không quả, vì nhân tức là quả, quả tức là nhân; hạt Ni-câu-đà có đầy đủ cây Ni-câu-đà, nên biết đó là nhân quả của Phạm chí. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhân nhỏ mà quả lớn. Hoặc nói, trong con mắt nhất định có lửa, thì con mắt bị cháy mất rồi, mà con mắt bị cháy, làm sao thấy được! Hoặc trong con mắt có đá, thì đá che mắt làm sao thấy được!

Này thiện nam! Như Phạm chí nói: “ Có tức là có; không tức là không; không thời không sanh, có thời phải diệt”. Nếu nói trong đá có tánh vàng, thì vàng không thể nói là tánh, tánh không thể nói là vàng.

Này thiện nam! Do nhân duyên nên có hoà hợp, vì có duyên hoà hợp nên trước không, sau có. Như Phạm chí nói: “ Không tức vĩnh viễn không”, thì nghĩa này như thế nào? Vàng hoà hợp với thuỷ ngân, thì vàng biến đổi, nếu nói không biến đổi, thì nghĩa này thế nào? Nếu nói chúng sanh có tánh Bồ-tát, đó là ngoại đạo, chứ không phải Phật đạo.

Này thiện nam! Thí như do nhân duyên hoà hợp trong đá mà có vàng; tánh của Bồ-tát cũng là như vậy. Chúng sanh có suy nghĩ gọi là tâm dục, do nhân duyên nghiệp lành, nên lòng ham muốn phát tâm Bồ-đề, như vậy gọi là tánh Bồ-tát.

Này thiện nam! Như chúng sanh trước không có Bồ-đề, sau mãi mới có. Tánh cũng như vậy, trước không, sau mới có; cho nên không thể nói Bồ-đề có tánh nhất định.

Này thiện nam! Vì cầu trí tuệ nên gọi là Bồ-tát. Muốn biết tất cả pháp chân thật, thì phải trang nghiêm lớn, tâm kiên cố, độ được nhiều chúng sanh, không tiếc thân mạng, đó gọi là Bồ-tát tu hành Đại thừa.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Một là: Thối chuyển. Hai là: Không thối chuyển. Người đã tu ba mươi hai nghiệp tướng gọi là không

thối chuyển. Nếu chưa có thể tu ba mươi hai nghiệp tướng thì gọi là thối chuyển. Lại có hai hạng: Một là: Xuất gia. Hai là: Tại gia. Bồ-tát xuất gia, thọ trì đầy đủ tám giới trọng hoàn toàn thanh tịnh, gọi là không thối chuyển. Bồ-tát tại gia, thọ trì đầy đủ sáu giới trọng hoàn toàn thanh tịnh, cũng gọi là không thối chuyển.

Này thiện nam! Ngoại đạo đoạn trừ dục vọng, được phước đức, hơn tất cả phước đức có được của chúng sanh trong cõi dục. Người đắc Tu-đà-hoàn phước đức hơn tất cả ngoại đạo dị kiến. Người đắc Tư-đà-hàm phước đức hơn hết thảy quả Tu-đà-hoàn. Người đắc A-na-hàm phước đức hơn tất cả quả Tư-đà-hàm. Người đắc A-la-hán phước đức hơn tất cả quả A-na-hàm. Người đắc Phật Bích-chi phước đức hơn tất cả quả A-la-hán. Người tại gia phát tâm Bồ-đề hơn tất cả quả Phật Bích-chi. Người xuất gia phát tâm Bồ-đề là việc không khó, ngược lại, người tại gia phát tâm Bồ-đề mới thật là không thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì người tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc. Lúc người tại gia phát tâm Bồ-đề, thì từ cõi trời Tứ-thiên-vương, cho đến cõi trời Sắc-cứu-cánh, đều rất kinh ngạc, vui mừng, cùng nhau nói: “ Chúng ta, từ nay đã có được vị đạo sư của cõi Trời Người”.

Phẩm 2: PHÁT TÂM BỒ ĐỀ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Tại sao chúng sanh phát tâm Bồ-đề?

- Nay thiện nam! Vì có hai điều mà chúng sanh phát tâm Bồ-đề:

Được giàu có và được sống lâu.

Lại có hai điều: 1. Không muốn đoạn tuyệt chủng tánh Bồ-tát, 2.

Diệt trừ tội lỗi phiền não của chúng sanh.

Lại có hai điều: 1. Xét thấy trong vô lượng kiếp, chịu mọi khổ não, không được lợi ích, 2. Dù có vô lượng chư Phật, cũng không cứu thoát được thân ta, chính chúng ta phải tự độ lấy.

Lại có hai điều: 1. Làm các việc lành, 2. Làm rồi không để biến mất.

Lại có hai điều: 1. Vì đó là phước báo thù thắng hơn tất cả Trời, Người, 2. Vì đó là phước báo thù thắng hơn hàng nhị thừa.

Lại có hai điều: 1. Cầu đạo Bồ-đề mà chịu khổ não, 2. Để được nhiều lợi ích lớn.

Lại có hai điều: 1. Vô lượng chư Phật quá khứ, vị lai trước khi thành Phật, đều như thân ta, 2. Là quán sát rõ ràng, Bồ-đề là pháp có thể chứng đắc, do đó mà phát tâm.

Lại có hai điều: 1. Quán sát người ở “Sáu trụ” tuy có chuyển tâm, nhưng còn hơn tất cả Thanh-văn, Duyên-giác, 2. Tâm chuyên cần cầu quả Chánh giác Vô thượng.

Lại có hai điều: 1. Muốn cho tất cả chúng sanh đều được giải thoát, 2. Muốn cho chúng sanh có được quả báo giải thoát hơn hẳn hàng ngoại đạo.

Lại có hai điều: 1. Không bỏ tất cả chúng sanh, 2. Xa lìa tất cả phiền não.

Lại có hai điều: 1. Đoạn trừ khổ não trong hiện tại của chúng sanh, 2. Ngăn chặn khổ não trong vị lai của chúng sanh.

Lại có hai điều: 1. Dứt trừ sự chướng ngại của trí tuệ, 2. Đoạn trừ chướng ngại nơi thân của chúng sanh.

Nay thiện nam! Phát tâm Bồ-đề có năm điều: 1. Gần gũi bạn lành, 2. Đoạn trừ tâm sân hận, 3. Vâng lời chỉ dạy của thầy, 4. Khởi tâm thương xót, 5. Siêng năng tu tập tinh tấn.

Lại có năm điều: 1. Không thấy lỗi của kẻ khác, 2. Tuy thấy lỗi của kẻ khác, nhưng tâm không hối. 3. Được pháp thiện rồi, tâm không kiêu mạn, 4. Thấy nghiệp thiện của kẻ khác tâm không ganh ghét, 5. Quán sát chúng sanh tưởng như con một.

Này thiện nam! Người có trí, sau khi phát tâm Bồ-đề rồi, có thể phá trừ các quả báo của nghiệp ác lớn như núi Tu-di.

Người có trí, vì ba điều, mà phát tâm Bồ-đề: 1. Vì thấy chúng sanh trong đời ác có năm trước. 2. Vì thấy Đức Như Lai có đạo lực thần thông không thể nghĩ bàn, 3. Vì nghe tám thứ tiếng vi diệu của Đức Như Lai.

Lại có hai điều: 1. Biết rất rõ nỗi khổ của tự thân, 2. Biết rõ nỗi khổ của chúng sanh, cũng như nỗi khổ của tự thân, vì trừ nỗi khổ của chúng sanh, cũng như trừ nỗi khổ của chính mình.

Này thiện nam! Nếu có người có thể phát tâm Bồ-đề, nên biết người này, có thể lễ bái sáu phương, được giàu có và được sống lâu, không như thuyết ngoại đạo đã nói.

Phẩm 3: TÂM BI

Thiện Sanh bạch Phật:

Bạch Đức Thế Tôn! Lục sư ngoại đạo không nói nhân quả; nay Đức Như Lai nói nhân quả có hai loại: 1. Sanh nhân, 2. Liễu nhân. Vậy như lời Ngài vừa nói thì phát tâm Bồ-đề, thuộc về Sanh nhân hay Liễu nhân?

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Như Lai vì chúng sanh nên có thể nói một nhân, hai nhân, ba nhân, bốn nhân, năm nhân, sáu nhân, bảy nhân hoặc đến mười hai nhân. Nói một nhân tức là Sanh nhân. Nói hai nhân tức là Sanh nhân và Liễu nhân. Nói ba nhân tức là phiền não, nghiệp khí. Nói bốn nhân tức là bốn đại. Nói năm nhân, tức là năm chi ở vị lai. Nói sáu nhân, tức như trong Khế kinh nói về sáu nhân. Nói bảy nhân, tức như trong kinh Pháp Hoa nói. Nói tám nhân, tức là tám chi trong hiện tại. Nói chín nhân, tức như trong kinh Đại Thành nói. Nói mười nhân tức như Ưu-bà-tắc Vi-ma-nam nói. Nói mười một nhân, tức như Trí Ấn nói. Nói mười hai nhân, tức như Mười hai nhân duyên.

Này thiện nam! Tất cả các pháp Hữu lậu, có vô lượng vô biên nhân, tất cả các pháp Vô lậu cũng có vô lượng vô biên nhân. Người trí muốn biết tất cả các nhân, nên phát tâm Bồ-đề. Vì vậy, Đức Như Lai được gọi là Nhất Thiết Trí.

Này thiện nam! Tất cả chúng sanh phát tâm Bồ-đề, hoặc có Sanh nhân, hoặc có Liễu nhân, hoặc có cả Sanh nhân, Liễu nhân. Nay ông nên biết, hễ Sanh nhân tức là Đại bi, nhân là Bi, nên mới có thể phát tâm Bồ-đề, cho nên tâm Bi là Sanh nhân.

Thiện Sanh thưa: - Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao tu tâm Bi?

Phật dạy: - Nay thiện nam! Người trí, thấy rõ tất cả chúng sanh bị đắm chìm trong biển khổ não sanh tử, vì muốn cứu độ họ, nên phát khởi tâm bi. Lại thấy chúng sanh chưa có mười lực, bốn điều không sợ hãi và ba niệm Đại bi: Ta phải làm thế nào, để chúng sanh được đầy đủ, do vậy khởi tâm bi. Lại thấy chúng sanh tuy có nhiều oán độc nhưng cứ tưởng là người thân, vì vậy khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh mê mờ đường chánh, không có người chỉ đường, nên khởi tâm tâm bi; lại thấy chúng sanh nằm trên vũng bùn năm dục, không thể ra khỏi, mà còn buông lung, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh thường bị tài vật, vợ con ràng buộc, không thể xa lìa, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh do được xinh đẹp, sống lâu, mà khởi tâm kiêu mạn, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh bị bạn ác đối gạt, mà tưởng là quyến thuộc, như Lục

sư, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, sanh trong ba cõi chịu mọi khổ não, mà còn tham vướng, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh tạo ra nghiệp ác do thân, khẩu, ý mà chịu nhiều quả khổ, nhưng vẫn vui thích, say đắm, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh ưa thích năm dục, như người khát uống nước muối, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, dù muốn được an lạc mà không tạo nhân an vui, tuy không thích khổ mà tạo nhân khổ, muốn hưởng cảnh vui cõi trời mà thiếu giới hạnh, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, đối với không ngã và không ngã sở, mà cứ tưởng có ngã và ngã sở, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh không có tánh cố định, lưu chuyển trong năm đường, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sợ sanh, già, bệnh, chết mà lại tạo nghiệp sanh, già, bệnh, chết, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh thân tâm chịu nhiều khổ não, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh đau khổ khi tình ái chia ly, mà không đoạn trừ được ái ân, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh ở trong vô minh tối tăm, mà không biết đốt lên ngọn đèn trí tuệ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, bị lửa phiền não thiêu đốt, mà không chịu cầu nước mát thiền định Tam muội, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, do vui năm dục, mà tạo vô lượng tội ác, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh biết năm dục là khổ, mà cứ mong cầu, không có chấm dứt, thí như người đói ăn phải cơm độc, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, ở trong đời xấu ác gặp vua bạo ngược, chịu nhiều khổ não, mà vẫn phóng dật, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh lưu chuyển trong tám cảnh khổ, mà không đoạn trừ cái nhân khổ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh đói khát, nóng lạnh không được tự tại, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh huỷ phạm giới cấm, sẽ thọ cảnh khổ ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sắc lực, thọ mạng, yên ổn và biện tài mà không được tự tại, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh các căn không đầy đủ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sanh ở biên địa, không tu pháp thiện, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sanh nhằm đời đói khát, thân thể gây ốm, trộm cướp lẫn nhau, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh sanh trong xứ đao binh, giết hại lẫn nhau, lòng độc ác càng tăng trưởng, phải chịu vô lượng quả báo khổ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh gặp Phật ra đời, nghe Phật nói pháp thanh tịnh như vị cam lồ mà không thọ trì, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh tin theo thầy tà, bạn ác, không vâng lời dạy bảo của thiện tri thức, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh có nhiều tài vật, mà không biết bố thí, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh canh tác ruộng vườn, giao dịch buôn bán, tất cả đều là khổ, nên khởi tâm bi; lại thấy chúng sanh, cha mẹ, anh em, vợ

con, tôi tớ, quyến thuộc không thương mến nhau, nên khởi tâm bi.

Này thiện nam! Người trí nên quán sát cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ, có cảnh an vui thiền định; cũng như sự khổ trong địa ngục, mà tất cả chúng sanh đều phải lãnh chịu, mà khởi tâm bi.

Này thiện nam! Lúc chưa chứng đắc đạo quả, mà quán sát như vậy, gọi là Bi, nếu chứng đắc đạo quả rồi, gọi là Đại bi. Vì sao? Vì lúc chưa chứng đắc đạo quả, dù quán như vậy, nhưng sự quán sát ấy có giới hạn, cho nên chúng sanh cũng là như vậy, còn khi đã chứng đắc đạo quả rồi, thì sự quán sát và chúng sanh không có giới hạn, cho nên gọi là Đại bi. Lúc chưa chứng đạo quả thì tâm bi còn động chuyển, nên gọi là Bi, còn khi đã chứng đắc đạo quả rồi thì tâm bi không còn dao động, nên gọi là Đại bi. Lúc chưa chứng đạo quả, chưa có thể độ các chúng sanh, nên gọi là Bi, khi chứng đắc đạo quả rồi, có thể cứu độ rộng khắp chúng sanh, nên gọi là Đại bi. Lúc chưa chứng đắc đạo quả trí tuệ chưa phát sinh, nên gọi là Bi, khi đã chứng đắc đạo quả rồi, trí tuệ phát khởi, nên gọi là Đại bi.

Này thiện nam! Người trí tu hành bi, tuy chưa có thể đoạn trừ khổ não của chúng sanh, nhưng đã có vô lượng lợi ích.

Này thiện nam! Sáu pháp Ba-la-mật, đều lấy tâm bi làm Sanh nhân.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Xuất gia, Tại gia. Bồ-tát xuất gia, tu tập tâm bi không khó, ngược lại Bồ-tát tại gia, tu tập bi mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Này thiện nam! Người tại gia, nếu không tu tâm bi, thì không thể đắc giới Ưu-bà-tắc. Nếu tu tâm bi rồi, sẽ được đắc giới.

Này thiện nam! Người xuất gia, chỉ có thể thực hành đầy đủ năm pháp Ba-la-mật, không thể thực hành đầy đủ bố thí Ba-la-mật, còn người tại gia, thì hành đầy đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong mọi thời gian, đều có thể bố thí được hết tất cả, nên người tại gia trước, nên tu tâm bi, nếu tu tâm bi rồi, thì nên biết, người này sẽ có đầy đủ trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Nếu tu tâm bi, thì khó bố thí có thể bố thí, việc khó nhẫn nhục, có thể nhẫn nhục, việc khó làm có thể làm. Vì ý nghĩa này, nên trong tất cả các pháp lành, Bi là cội gốc.

Này thiện nam! Nếu người nào có thể tu tâm bi như vậy, thì nên biết, người đó có thể phá trừ nghiệp ác lớn như núi Tu-di, chẳng bao lâu, sẽ chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng; người này, tuy tạo nghiệp lành ít, nhưng hưởng được phước báo to lớn như núi Tu-di.

Phẩm 4: GIẢI THOÁT

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào, tu hạnh bi, thì nên biết những người này sẽ được tất cả phần giải thoát của pháp thể.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Ngài dạy về Thế. Vậy Thế là thế nào?

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Thế nghĩa là thân khẩu ý, mà thân khẩu ý từ nơi phương tiện sanh khởi. Phương tiện có hai: 1. Được nghe, 2. Suy nghĩ. Lại có ba: 1. Huệ thí, 2. Trì giới, 3. Học rộng.

Thiện Sanh thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn! Như Ngài vừa dạy, từ ba phương tiện mà được phần giải thoát, vậy ba phương tiện có số nhất định không?

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Không. Vì sao? Vì có người dù ở trong nhiều đời bố thí không biết bao nhiêu của cải, cho rất nhiều người, nhưng cũng không có pháp phần giải thoát. Có người, tuy chỉ trong một thời gian ngắn, lấy một vắt cơm đem cho một người ăn xin, mà lại có thể được pháp phần giải thoát. Có người ở chỗ vô lượng Đức Phật, thọ trì giới cấm, mà cũng không được pháp phần giải thoát, nhưng có người chỉ một ngày một đêm, thọ trì tám giới, mà lại được pháp phần giải thoát. Có người trong nhiều đời, ở nơi vô lượng Đức Phật, thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, mà cũng không được pháp phần giải thoát, nhưng có người chỉ đọc tụng một bài kệ bốn câu mà lại được pháp phần giải thoát. Nghĩa ấy là thế nào? Vì tâm của hết thảy chúng sanh, không giống nhau.

Nay thiện nam! Nếu người nào, không nhất tâm xem xét kỹ sanh tử là khổ đau, Niết Bàn là an vui, thì người đó dù có huệ thí, trì giới, học rộng nghe nhiều, cũng không được pháp phần giải thoát. Nếu người nào, nhằm chán sanh tử tội lỗi, biết rõ Niết Bàn công đức an vui, thì người này, dù bố thí, trì giới và nghe rất ít, nhưng được pháp phần giải thoát.

Nay thiện nam! Người được pháp giải thoát được ở trong ba trường hợp: 1. Khi Đức Phật ra đời, 2. Khi Duyên-giác ra đời, 3. Nếu không nằm trong trường hợp một và hai, thì khi vị trời ở cõi Sắc cứu cánh nói pháp giải thoát, người này nghe rồi liền được phần giải thoát.

Nay thiện nam! Như Lai thuở xưa, khi mới phát tâm đầu được gặp Đức Phật và Phật-bích-chi, mà chỉ được nghe vị trời ở cõi Tịnh-cư

thuyết pháp giải thoát, sau khi nghe rồi liền phát tâm tu hành.

Này thiện nam! Pháp giải thoát như vậy không phải trời ở cõi Dục mà có thể chứng đắc được. Vì sao? Vì ở trời cõi Dục còn nhiều buông thả. Cũng chẳng phải trời ở cõi sắc mà chứng đắc được. Vì sao? Vì không có ba phương tiện. Cũng không phải trời ở cõi Vô sắc mà có thể chứng đắc được. Vì sao? Vì không có thân khẩu ý, mà pháp thể ấy là thân khẩu ý. Người ở châu Bắc-cu-lô cũng không chứng đắc được. Vì sao? Vì cũng không có ba phương tiện. Pháp phần giải thoát này, chỉ có ba hạng người chứng đắc được, đó là: Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát. Chúng sanh nếu gặp được thiện tri thức, thì chuyển sự giải thoát của Thanh-văn, thành giải thoát Duyên-giác, chuyển sự giải thoát của Duyên-giác, thành giải thoát của Bồ-tát. Bồ-tát chứng đắc được pháp phần giải thoát, thì không còn thối chuyển, không còn hư hoại.

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Người thuyết pháp dùng nghĩa gì để khéo phân biệt, là những người này có phần giải thoát, những người kia không có phần giải thoát?

Phật dạy:

- Này thiện nam! Pháp thể giải thoát như vậy, có hai hạng người được chứng đắc, đó là: Xuất gia và tại gia. Hai hạng người này chí tâm nghe pháp và thọ trì, sau khi nghe nổi khổ trong ba đường dữ, kinh sợ đến dựng đứng lông tóc, buồn khóc, nên nỗ lực kiên trì việc trai giới cho đến tội rất nhỏ cũng không hủy phạm. Nên biết, người này được pháp phần giải thoát.

Này thiện nam! Các phái ngoại đạo, được thiên định Phi tướng phi tướng xứ, sống lâu vô lượng kiếp, nếu không được pháp phần giải thoát, thì nên xem người này là người địa ngục. Nếu người ở trong địa ngục A-tỳ, trải qua vô lượng kiếp, chịu nhiều khổ não, mà lại được pháp phần giải thoát, thì nên xem người này là người Niết Bàn.

Này thiện nam! Cho nên Như Lai đối với ông Uất-đầu-lam-phất mới khởi tâm thương xót, còn đối với Đề-bà-đạt-đa thì không khởi tâm thương xót.

Này thiện nam! Như Xá-lợi-phất trong sáu vạn kiếp, cầu đạo Bồ-đề, sử dĩ thối tâm, là do chưa được pháp phần giải thoát, nhưng vẫn còn hơn Duyên-giác lợi căn.

Này thiện nam! Pháp thể giải thoát có ba bậc: Thượng, Trung, Hạ. Bậc thượng là Phật, bậc trung là Duyên-giác, bậc hạ là Thanh-văn.

Này thiện nam! Có người chuyên cần cầu giới Ưu-bà-tắc, ở trong

nhiều đời tu hành, theo những điều đã được nghe, mà cũng không được giới. Có người xuất gia, cầu giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, tu hành trong nhiều đời, theo điều đã lãnh hội mà cũng không được. Vì sao? Vì không thể đạt được pháp phần giải thoát. Cho nên gọi là tu giới, không được gọi là trì giới.

Này thiện nam! Nếu các Bồ-tát, được pháp phần giải thoát, thì trọn đời, không còn tạo nghiệp cầu sanh trong ba cõi nữa, chỉ luôn nguyện sanh nơi đâu, có lợi ích cho chúng sanh, nếu tự biết phước báo mình sẽ sanh lên cõi trời, liền xoay phước báo ấy để sanh trong cõi người, việc làm ấy chính là bố thí, trì giới, tu thiện định.

Này thiện nam! Nếu hàng Thanh-văn được pháp phần giải thoát, thọ thân tứ đại không quá ba lần, sẽ đến được giải thoát. Hàng Phật-bích-chi cũng như vậy. Các vị đại Bồ-tát đã được pháp phần giải thoát, dù thọ thân trải qua vô lượng kiếp, thường không thối chuyển, tâm không thối chuyển hơn hẳn tất cả Thanh-văn, Duyên-giác.

Này thiện nam! Nếu được pháp phần giải thoát như vậy, thì dù có bố thí ít, cũng được phước báo vô lượng, ít giữ giới và ít nghe pháp cũng được phước báo lớn lao như thế. Giả sử người này ở trong ba đường ác, không giống như người thọ khổ trong ba đường ác. Nếu các vị Bồ-tát, được pháp phần giải thoát, gọi là Địa-điều-nhu. Sao gọi là Địa-điều-nhu? Vì tất cả phiền não dần dần suy yếu, đó là ngược dòng sanh tử.

Này thiện nam! Có bốn hạng người: 1/ Thuận theo dòng sanh tử, 2/ Ngược dòng sanh tử, 3/ Không thuận không nghịch, 4/ Đã đến bờ giải thoát.

Này thiện nam! Pháp giải thoát như vậy, đối với hàng Thanh-văn gọi là Địa-nhu-nhuyến. Đối với hàng Bồ-tát, cũng gọi là Địa-nhu-nhuyến, hay Địa-hỷ. Vì nghĩa gì mà gọi là Địa-hỷ? Vì nghe mà không thối tâm nên gọi là Địa-hỷ. Vì nghĩa gì mà gọi là Bồ-tát? Là vì thường giác ngộ cho tâm chúng sanh, như vậy Bồ-tát, đối với sách vở của ngoại đạo, chính mình tự biết không thọ trì và không dạy bảo người khác thọ trì. Bồ-tát như thế, không gọi là Trời, Người, chẳng phải gồm thân vào năm đường, nên gọi là tu hành đạo không chướng ngại.

Này thiện nam! Bồ-đề có bốn chủng tử: 1/ Không tham tài vật, 2/ Không tiếc thân mạng, 3/ Tu hành nhẫn nhục, 4/ Thương yêu chúng sanh.

Này thiện nam! Chủng tử Bồ-đề tăng trưởng như vậy lại có năm điều: 1/ Đối với thân mình không tự khinh rẻ: “Ta không thể chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng”, 2/ Tự thân thọ khổ, tâm không hối

hận, 3/ Siêng năng tu hành tinh tấn không ngừng nghỉ, 4/ Cứu giúp vô lượng khổ não của chúng sanh. 5/ Thường khen ngợi công đức vi diệu của Tam Bảo. Người trí lúc tu hành Bồ-đề, thường nên tu tập năm điều nói trên, để hạt giống Bồ-đề nảy nở tăng trưởng tươi tốt. Lại có sáu điều, là từ bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Sáu pháp Ba-la-mật đều là nhân nơi một pháp mà tăng trưởng, đó là không buông lung. Bồ-tát buông lung, thì không tăng trưởng sáu Ba-la-mật; còn không buông lung thì mới tăng trưởng sáu Ba-la-mật.

Này thiện nam! Bồ-tát lúc cầu Bồ-đề, phải có bốn điều: 1/ Gần gũi bạn lành. 2/ Giữ tâm vững chắc, khó hoại. 3/ Làm những việc khó làm. 4/ Thường xót chúng sanh. Lại có bốn điều: 1/ Thấy người khác được lợi ích sanh tâm vui mừng. 2/ Thường thích ca tụng công đức người khác, 3/ Thường ưa tu tập sáu pháp niệm xứ, 4/ Siêng nói sanh tử có nhiều tội lỗi.

Này thiện nam! Nếu có người nói lia tám pháp như vậy mà được Bồ-đề, thì điều này là không thể có.

Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát, mới phát tâm Bồ-đề Vô thượng, tức được gọi là phước điền vô thượng. Bồ-tát như vậy thì thù thắng hơn mọi sự việc của tất cả thế gian và của chúng sanh.

Này thiện nam! Nếu có người nói vô lượng thế giới có vô lượng Đức Phật, nhưng đạo quả của Phật rất khó được. Vì sao? Vì thế giới vô biên, chúng sanh cũng vậy; chúng sanh vô biên, Phật đạo cũng không giới hạn. Giả sử Phật đạo dễ được, thì một đức Phật lẽ ra hoá độ được tất cả chúng sanh và nếu như vậy thì thế giới, chúng sanh có giới hạn.

Này thiện nam! Lúc Phật ra đời, độ được chín vạn chín na-do-tha người, đệ tử Thanh-văn của Ngài, độ được một na-do-tha người, mà cũng không độ hết được chúng sanh, nên gọi chúng sanh là vô biên, do vậy mà trong kinh Thanh-văn, Như Lai nói không có mười phương Phật. Vì sao? Vì sợ các chúng sanh xem thường Phật đạo. Thánh đạo của Phật không thuộc về thế gian, nên lời nói của Như Lai không có hư vọng. Đức Như Lai không có tâm đố kỵ đối với việc khó được, nên mới nói không có mười phương chư Phật.

Này thiện nam! Rất nhiều chúng sanh phát tâm Bồ-đề, mà không thể thực hành rốt ráo đạo Bồ-tát. Nếu có người vấn nạn: Ở hiện tại có nhiều Đức Phật, tại sao trong kinh, chỉ nói quá khứ và vị lai là có nhiều đức Phật, không nói trong đời hiện tại có nhiều Đức Phật?

Này thiện nam! Ở trong một quốc độ, Như Lai nói quá khứ, vị lai có nhiều Đức Phật, ở đời hiện tại chỉ có một Đức Phật thôi.

Này thiện nam! Ai hiểu được nghĩa chân thật, thì có thể được Phật đạo. Vô lượng chúng sanh tu hành Phật đạo, phần nhiều do thối thất tâm Bồ-đề, chỉ có một người mới có thể được độ thoát, ví như hoa Am-la. Ví như trứng loài cá (ngư tử).v.v...

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: 1/ Bồ-tát tại gia. 2/ Bồ-tát xuất gia. Bồ-tát xuất gia được pháp phần giải thoát không khó; ngược lại Bồ-tát tại gia được pháp phần giải thoát mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 5: BA THỨ BỒ ĐỀ

Thiện Sanh bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn! Ngài đã dạy: “Bồ-tát có hai hạng: Bồ-tát tại gia, và Bồ-tát xuất gia. Bồ-đề có ba thứ: Bồ-đề Thanh-văn, Bồ-đề Duyên-giác, Bồ-đề chư Phật. Nếu người đạt được Bồ-đề gọi là Phật, thì tại sao Thanh-văn, Duyên-giác không gọi là Phật? Nếu người giác ngộ pháp tánh gọi là Phật, tại sao Thanh-văn, Duyên-giác cũng giác ngộ pháp tánh, mà duyên cố gì không gọi là Phật? Nếu Nhất thiết trí gọi là Phật, tại sao Thanh-văn, Duyên-giác, cũng Nhất thiết trí mà không gọi là Phật? Lại nói Nhất thiết ấy tức là Tứ Đế?”

Phật dạy:

- Nay thiện nam! Bồ-đề có ba thứ: 1/ Từ nghe mà được, 2/ Từ tư duy mà được, 3/ Từ tu tập mà được. Thanh-văn là hàng từ nghe mà được Bồ-đề, nên không gọi là Phật. Hàng Phật Bích Chi, từ tư duy mà giác ngộ được chút ít, nên mới gọi là Phật Bích Chi. Còn Như Lai không thầy, không dựa vào nghe và tư duy, chỉ từ tu tập mà giác ngộ được tất cả, nên mới gọi là Phật.

Này thiện nam! Biết rất rõ pháp tánh gọi là Phật. Pháp tánh có hai thứ: Tổng tướng và Biệt tướng. Thanh-văn chỉ biết tổng tướng, nên không gọi là Phật, Phật Bích Chi cũng chỉ biết tổng tướng, không do nghe mà được, nên chỉ gọi là Phật Bích Chi chớ không gọi là Phật. Như Lai Thế Tôn thì tổng tướng, biệt tướng, tất cả đều biết rõ, không từ nghe, không từ suy nghĩ, vô sư, một mình tự giác ngộ lấy, từ tu tập mà được chứng đắc nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn duyên trí đầy đủ, Thanh-văn, Duyên-giác dù biết Tứ đế, mà duyên trí không đầy đủ, do ý nghĩa đó, nên không gọi là Phật. Như lai Thế tôn, duyên trí đầy đủ, cho nên được gọi là Phật.

Này thiện nam! Như dòng nước sông Hằng, ba con thú đều cùng lội qua: Thỏ, ngựa và voi; thỏ lội qua, chân không chạm đáy sông, mà chỉ nổi trên mặt nước. Ngựa, có khi chân chạm đến đáy sông, có khi không chạm đến đáy sông. Còn voi, thì lúc nào, chân cũng chạm đến đáy sông. Dòng nước sông Hằng, tượng trưng cho mười hai nhân duyên; hàng Thanh-văn vượt qua cũng như loài thỏ kia qua sông. Duyên-giác vượt qua cũng như loài ngựa kia qua sông. Còn Như Lai vượt qua như loài voi qua sông. Vì vậy Như Lai được gọi là Phật. Thanh-văn, Duyên-giác dù đoạn trừ phiền não, nhưng chưa đoạn trừ được Tập Khí, còn Như Lai đã nhổ sạch mọi cội nguồn Tập Khí, phiền não, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Nghi có hai loại: Nghi Phiền não. Và nghi Vô ký. Hàng nhị thừa đoạn trừ nghi phiền não, chưa đoạn trừ nghi vô ký, Như Lai đoạn cả hai nghi, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Hàng Thanh-văn nhằm chán việc học rộng; hàng Duyên-giác nhằm chán sự suy nghĩ, Như Lai đối với hai điều ấy không sanh tâm nhằm chán, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Thí như vật sạch để đựng đồ sạch, trong ngoài đều sạch. Thanh-văn, Trí Duyên-giác tuy thanh tịnh, mà thân tâm không được trong sạch, Như Lai thì không vậy, trí và thân đều được thanh tịnh, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Thanh tịnh có hai loại: Trí thanh tịnh. Hạnh thanh tịnh. Thanh-văn, Duyên-giác dù có trí thanh tịnh, nhưng hạnh không thanh tịnh, Như lai Thế Tôn Trí, Hạnh đều thanh tịnh, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Công hạnh của Thanh-văn, Duyên-giác còn bị giới hạn; công hạnh của Như Lai Thế Tôn không có giới hạn, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn, chỉ trong một niệm có thể phá trừ hai chướng: Chướng trí. Chướng giải thoát, nên gọi là Phật, Như Lai đầy đủ trí nhân và trí quả, nên gọi là Phật.

Này thiện nam! Như Lai nói pháp, không hai lời, không sai lầm và không hư vọng; trí tuệ không ngại; biện tài lưu loát; đầy đủ nhân trí, thời trí và tướng trí; không che giấu, không cần gìn giữ cũng không nói dối, biết rõ tất cả phiền não của chúng sanh, nhân duyên nào phát khởi, nhân duyên nào diệt trừ; tám pháp của thế gian không làm cho ô nhiễm, có lòng thương xót, cứu người khổ não, đầy đủ mười lực, bốn điều không sợ, ba niệm Đại bi, sức lực thân tâm đều được đầy đủ.

Thế nào là đầy đủ thân lực? Này thiện nam! Cõi trời Ba mươi ba, có một thành lớn, tên là Thiện Kiến, thành ấy dài rộng mười vạn lý, phòng xá trăm vạn, các vị trời ở trong thành này, có một ngàn sáu mươi sáu vạn, sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu vị. Trong ba tháng hạ, vua Thích Đề Hoàn Nhân, muốn đến rừng Ba Lợi Chất Đa để thưởng ngoạn, lúc ấy, trên núi Càn Đà có một con voi chúa, tên là Y-La-Bát-Na có tới bảy đầu, vua mới khởi niệm, voi liền biết và tự đến. Chư thiên trong thành Thiện Kiến, đều từ trên đầu voi kia lần lượt đi qua rừng Ba-Lợi-Chất-Đa cách thành năm mươi do tuần. Sức mạnh của voi ấy, hơn hẳn tất cả các con voi khác. Giả sử một vạn tám ngàn con voi ấy hợp sức cũng không bằng sức một ngón tay của Phật, do vậy, thân lực của Đức Như Lai hơn hẳn sức lực của tất cả chúng sanh. Thế giới vô biên,

chúng sanh cũng vô biên, tâm lực của Đức Như Lai cũng vô biên; cho nên, chỉ có Đức Như Lai mới được gọi là Phật. Hàng nhị thừa, không ai được gọi là Phật. Vì ý nghĩa đó, nên gọi Đức Phật là Vô thượng sư, Đại trượng phu, là Voi chúa trong loài người, là Sư tử, là Long vương, là Điều ngự, là bậc dẫn đường chỉ lối, là đại thuyên sư, là đại Y sư, là đại Ngưu vương, là Ngưu vương trong loài người, là Tịnh liên hoa, là đấng Vô sư Độc giác, là Mắt sáng cho các chúng sanh, là đại Thí chủ, là đại Sa môn, là đại Bà la môn, là Tịch tĩnh, Trì giới chuyên cần, Tu hành tinh tấn, là đến với Bồ giác, là được giải thoát.

Này thiện nam! Thanh-văn, Duyên-giác dù có được Bồ-đề, nhưng đều không được những điều như trên, nên chỉ có Như Lai mới gọi là Phật.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia và Xuất gia. Bồ-tát xuất gia phân biệt ba thứ Bồ-đề như vậy không khó; còn Bồ-tát tại gia phân biệt ba thứ Bồ-đề như vậy mới thật là khó! Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

Phẩm 6: TU HẠNH NGHIỆP BA MƯỜI HAI TƯỚNG

Thiện Sanh bạch Phật.

- Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Ngài dạy, thân lực của Bồ-tát khi nào mới thành tựu được?

Phật dạy:

Này thiện nam! Lúc mới tu tập ba mươi hai tướng,

Này thiện nam! Bồ-tát lúc tu tập ba mươi hai tướng, được gọi là Bồ-tát và được thêm hai định: Một là định Bồ-đề; hai là định Hữu. Lại có hai định: Một là Định biết rõ đời sống kiếp trước; Hai là Định nguyên nhân sanh ra chánh pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát từ khi mới tu tập ba mươi hai tướng cho đến khi thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, trong thời gian đó, không nhàm chán việc học rộng. Bậc đại Bồ-tát tu tập mỗi mỗi tướng thường dùng cả trăm phước đức để che chở mình, lúc tu tâm có năm mươi phước, lúc tâm viên mãn cũng có năm mươi, cộng lại thành trăm phước đức.

Này thiện nam! Tất cả phước đức của thế gian không bằng công đức nơi một lỗ chân lông của Đức Như Lai; công đức tất cả các sợi lông của Đức Như Lai không bằng công đức của một tướng tốt, gom hết công đức của tám mươi tướng tốt không bằng công đức của một trong ba mươi hai tướng, công đức tất cả các tướng không bằng công đức của tướng Bạch hào; công đức của tướng Bạch hào không bằng không sánh kịp công đức của tướng Vô-kiến-đảnh.

Này thiện nam! Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp, thường vì các chúng sanh, làm lợi ích lớn, chí tâm siêng năng làm các thiện nghiệp, do đó Như Lai mới thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Ba mươi hai tướng này, là phước báo của tâm đại bi. Chuyển luân Thánh vương dù có tướng này, nhưng không thành tựu rõ ràng đầy đủ như vậy. Thể của tướng nghiệp ấy tức là nghiệp thân khẩu ý. Lúc tu nghiệp này, không phải ở cõi trời, châu Bắc-cu-lô, phải là thân nam ở khắp ba phương, không phải là thân nữ. Bậc đại Bồ-tát tu nghiệp này rồi, gọi là mãn ba A- tăng -kỳ-kiếp, thứ đến mới thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Này thiện nam! Như Lai thuở xưa chỗ Phật Bảo Đảnh được một A- tăng -kỳ-kiếp thứ nhất, ở chỗ Phật Nhiên Đăng được một A- tăng -kỳ-kiếp thứ hai, ở chỗ Phật Ca Diếp là đủ một A- tăng -kỳ-kiếp thứ ba.

Này thiện nam! Thuở xưa, Đức Như Lai ở chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, đầu tiên phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, khi đã phát

tâm rồi thì cúng dường vô lượng Chư Phật, trồng các thiện căn, tu tập đạo hạnh, giữ giới tinh tấn, học rộng nghe nhiều.

Này thiện nam! Vị đại Bồ-tát tu hành ba mươi hai tướng rồi, tự thân biết rõ mình nhất định thành tựu Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, như là xem quả Am-ma-lặc ở trong bàn tay. Nghiệp tướng kia, tuy là như thế, nhưng khi tu tập thứ lớp không cần phải như thế. Hoặc có người nói: “Như Lai trước được tướng con mắt ngưu vương. Vì sao? Vì lúc làm Bồ-tát, Ngài ở vô lượng kiếp thích dùng con mắt lành, hiền hoà để nhìn chúng sanh, cho nên trước được tướng mắt ngưu vương, thứ đến mới được các tướng khác”. Hoặc có thuyết nói: “Như Lai trước được tướng tám Phạm âm, còn các tướng khác dần dần được sau. Vì sao? Vì trước kia, lúc Ngài làm Bồ-tát đã vô lượng kiếp thường dùng lời dịu hoà và chân thật để dạy bảo chúng sanh, vì thế trước tiên Ngài được tám tướng Phạm âm”. Hoặc có thuyết nói: “Như Lai trước được tướng Vô kiến đánh, dần dần sau được các tướng khác. Vì sao? Vì khi Ngài làm Bồ-tát trải vô lượng kiếp, cúng dường các sư trưởng, chư Phật, Bồ-tát, cúi đầu đánh lễ, diệt trừ tâm kiêu mạn, vì thế mà trước hết Ngài được tướng Vô kiến đánh”. Hoặc có thuyết nói: “Như Lai trước tiên được tướng lông mày trắng, thứ đến được các tướng khác. Vì sao? Vì Khi Ngài làm Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp không dối gạt một chúng sanh nào, cho nên được tướng trắng giữa lông mày.

Này thiện nam! Ngoài đức Phật ra không có ai có thể đạt được nghiệp tướng như vậy.

Này thiện nam! Hoặc có người thứ lớp nói: “Như Lai trước được tướng lòng bàn chân tròn đầy, sau mới được các tướng khác. Vì sao? Vì lúc Ngài làm Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp đã bố thí, trì giới, tu tập đạo hạnh, tâm không lay động, nên trước được tướng bàn chân tròn đầy, sau mới được tướng dưới lòng bàn chân các vân xoáy tròn. Vì sao? Vì khi Ngài làm Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp cúng dường cha mẹ, sư trưởng, bạn lành, theo như chánh pháp mà giúp đỡ chúng sanh, cho nên thứ đến mới được tướng bàn chân, bàn tay đều có vân xoáy tròn. Được tướng này rồi, kế được tướng ngón tay thon dài. Vì sao? Vì lúc Ngài làm Bồ-tát chí tâm thọ trì giới thứ nhất và giới thứ tư của giới Ưu-bà-tắc, nên sau đó, được tướng ngón tay ngòai bút và tướng ngón chân dài. Thứ đến, được tướng toàn thân đầy đặn. Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo, luôn nghe lời dạy bảo của sư trưởng, cha mẹ, bạn lành, cho nên được tướng toàn thân đầy đặn. Thứ đến, được tướng màng lưới giữa các ngón tay, ngón chân. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo dùng bốn Nhiếp pháp để

gồm thân chúng sanh, cho nên thứ đến được tướng tay chân mềm mịn, hơn các thân thể khác. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp, dùng tay tắm rửa cho sư trưởng, cho cha mẹ sạch hết dơ bẩn, dùng dầu thơm xoa vào, nên được tướng chân tay mềm mịn. Được tướng ấy rồi thứ đến được tướng lông ở trên thân xoáy đều một phía. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo trải qua vô lượng kiếp thường hoá độ chúng sanh, dạy bảo tu hành bố thí, trì giới, làm các việc lành, cho nên được tướng lông ở trên thân xoáy đều. Được tướng ấy rồi thứ đến được tướng bắp chân lộ vương. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo chí tâm nghe pháp và nói pháp để diệt trừ tội lỗi sanh tử, cho nên được tướng bắp chân lộ vương. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng thân tròn đầy như cây cổ thụ Ni-câu-đà. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp thường bố thí thuốc men cho tất cả chúng sanh bị bệnh tật, cho nên được tướng thân hình tròn đầy. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng tay dài quá đầu gối. Vì sao? Vì lúc Ngài hành Bồ-tát đạo trọn đời không bao giờ đối gạt các bậc Hiền Thánh, cha mẹ, sư trưởng và thiện hữu tri thức, nên được tướng tay dài quá đầu gối. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng âm tàng như mã vương, tượng vương. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp thấy người sợ hãi liền ra tay cứu giúp, sanh tâm hổ thẹn, không nói lỗi người, khéo che tội người khác, cho nên được tướng âm tàng giống như mã vương, tượng vương. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng thân hình mềm mịn, trong mỗi lỗ chân lông đều mọc lên một sợi lông. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, gần gũi người trí, ưa nghe chánh pháp và thích luận bàn, sau khi nghe rồi rất thích tu tập và ưa sửa sang đường xá, lượm bỏ gai góc, cho nên được tướng da thịt mịn màng, trong mỗi lỗ chân lông mọc lên một sợi lông. Được tướng ấy rồi, thứ đến được thân màu vàng ròng. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, thường bố thí cho chúng sanh phòng xá, ngoạ cụ, thực phẩm, đèn đuốc, cho nên được tướng thân màu vàng ròng. Được tướng ấy rồi, thứ đến được bảy nơi đầy đặn. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, nơi đáng sân hận mà sanh tâm không sân hận, ưa thích bố thí cho chúng sanh những vật cần dùng, cho nên được tướng bảy nơi đầy đặn. Được tướng ấy rồi, thứ đến được tướng những khớp xương đều đặn tròn đầy. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp; khéo léo phân biệt việc thiện việc ác, lời nói không sai lầm, không nói lời không có ý nghĩa, pháp đáng thọ trì thì thường thuyết giảng, pháp không đáng thọ trì, thì không bao giờ nói ra, cho nên

được tướng những chỗ khớp xương không huỷ khuyết. Được tướng này rồi, thứ đến được thêm hai tướng thân cao và má tròn, đều như sư tử. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, không nói hai lưỡi, không dạy người khác nói hai lưỡi, cho nên được hai tướng này. Được tướng này rồi, thứ đến được thêm ba tướng, có bốn mươi cái răng, răng trong sáng, bằng nhau và khép kín. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, dùng pháp mười điều thiện, dạy bảo chúng sanh, chúng sanh thọ nhận rồi sanh tâm vui mừng, thường hay khen ngợi công đức người khác, cho nên được ba tướng này. Được ba tướng này rồi, thứ đến được tướng bốn cái răng cửa trắng trong như ngọc. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, tu tập Từ bi; ở trong cõi dục, thường thích suy nghĩ về các pháp lành, cho nên được tướng bốn răng nanh trắng như ngọc. Được tướng này rồi, thứ đến được tướng trong miệng luôn có mùi vị rất thơm. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, không đợi người đến xin rồi mới cho, nên được tướng này. Thứ đến thêm hai tướng là nhục kế và lưỡi dài rộng. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, chí tâm thọ trì pháp mười điều thiện, đồng thời cũng giáo hoá chúng sanh, cho nên được hai tướng này. Thứ đến được tướng phạm âm. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, không nói lời xấu ác, không dạy người khác nói xấu ác, nên được tướng này. Thứ đến được tướng con mắt trong xanh như mắt ngư vương. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, dùng con mắt bình đẳng, hiền hoà xem kẻ oán, người thân đều như nhau, nên được tướng này. Thứ đến được tướng bạch hào. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài thường thuyết giảng chánh pháp, pháp chân thật, không hư dối, nên được tướng này. Thứ đến được tướng vô kiến đánh. Vì sao? Vì lúc hành Bồ-tát đạo, Ngài trải qua vô lượng kiếp, cúi đầu đánh lễ tất cả thánh hiền, sư trưởng, cha mẹ, một lòng tôn kính, cúng dường, nên được tướng này.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Tại gia, Xuất gia. Bồ-tát xuất gia, tu tập nghiệp tướng này không khó; ngược lại Bồ-tát tại gia, tu tập tướng này, mới thật là khó. Vì sao? Vì Bồ-tát tại gia, có nhiều nhân duyên xấu ác ràng buộc.

